TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 353/2024/DS-PT
Ngày: 27 – 5 – 2024
V/v: Tranh chấp thừa kế tài sản và yêu cầu hủy GCN QSD đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Anh Văn

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hồ Tâm Tú

Ông Ngô Đức Thọ

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Khánh - Thư ký Tòa án

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Minh Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 49/2024/TLPT-DS ngày 16 tháng 01 năm 2024 về "Tranh chấp thừa kế tài sản và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 120/2023/DS-ST ngày 06 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1426/2024/QĐ-PT ngày 08 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1/ Ông Đoàn Văn D, sinh năm 1948;

Địa chỉ: Nhà số E, Tổ B, ấp A, xã A, huyện C, tỉnh An Giang. (Có mặt)

- Bị đơn:

1/ Ông Đoàn Văn Đ, sinh năm 1966; (Có mặt)

2/ Bà Phan Kim Y, sinh năm 1962;

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phan Kim Y: Ông Đoàn Văn Đ, sinh năm 1948 (bị đơn trong vụ án).

Cùng địa chỉ: Tổ A, ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân huyện C;

Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện C: Bà Lê Trần Minh H – Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C;

Địa chỉ: Thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Phòng C3;

Địa chỉ: Số A, L, phường M, T, tỉnh An Giang. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

3. Ông Đoàn Thanh H1, sinh năm 1945;

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

4. Bà Đoàn Thị N, sinh năm 1958;

Địa chỉ: Ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang.

5. Ông Đoàn Bé T, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang.

6. Ông Đoàn Văn C, sinh năm 1965;

7. Ông Đoàn Văn Chí L, sinh năm 1978;

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang.

8. Ông Đoàn Văn H2, sinh năm 1936;

Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đoàn Văn H2: Ông Đoàn Văn Đ, sinh năm 1966; Địa chỉ: Tổ A, ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang.

9. Bà Đoàn Thị N1, sinh năm 1970;

10. Ông Đoàn Thanh H1 (Đ1), sinh năm 1976;

11. Ông Đoàn Thanh H3 (Đoàn Hữu P), sinh năm 1980;

12. Bà Đoàn Thị Ngọc G (Đoàn Thị Đ2), sinh năm 1984;

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang.

13. Ông Trần Văn P1, sinh năm 1948;

14. Ông Trần Văn P2, sinh năm 1973;

15. Ông Trần Văn L1, sinh năm 1974;

Cùng địa chỉ: Số G, tổ A, ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang.

16. Bà Trần Thị Bé T1, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Ấp T, xã T, thành phố C, Đồng Tháp.

17. Bà Trần Thị Bé N2, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện C, An Giang.

18. Bà Trần Thị Kim N3 (Bé H4), sinh năm 1981;

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

19. Em Nguyễn Thị Quế T2, sinh ngày 21/11/2004.

Địa chỉ: Số E, ấp T, xã H (nay là thị trấn), huyện C, tỉnh An Giang.

20. Bà Nguyễn Thị C1 (mẹ của T2), sinh năm 1978;

Địa chỉ: Số B, tổ A, ấp T, xã M, huyện C, tỉnh An Giang.

- Người kháng cáo: Ông Đoàn Văn D, nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua đơn khởi kiện đề ngày 04/02/2017, đơn khởi kiện bổ sung ngày 196/2017, đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 15/9/2022 và quá trình tham gia tố tụng ở Tòa án cấp sơ thẩm, nguyên đơn là ông Đoàn Văn D trình bày:

Cha mẹ đẻ của ông là vợ chồng cụ Đoàn Văn G1, cụ Nguyễn Thị T3 có 08 (tám) người con chung gồm: ông Đoàn Văn H2, ông Đoàn Văn T4 (chết năm 2011), ông Đoàn Thanh H1, ông (Đoàn Văn D), bà Đoàn Thị Đ2 (chết năm 2009), bà Đoàn Thị N, ông Đoàn Văn C và ông Đoàn Văn Đ.

Ông T4 có vợ là bà Nguyễn Thị Cẩm C2 (chết năm 2005) và 07 (bảy) người con, gồm: Đoàn Thị N1, Đoàn Bé T, Đoàn Thanh H1, (sinh năm 1974), Đoàn Văn Chí L, Đoàn Thanh H3, Đoàn Thị Ngọc G và Đoàn Hữu L2.

Bà Đ2 có chồng là ông Trần Văn P1 và 05 (năm) người con, gồm: Trần Văn P2, Trần Văn L1, Trần Thị Bé T1, Trần Thị Bé N2, Trần Thị Kim N3.

Cụ G1 chết năm 2000, cụ T3 chết năm 2011 đều không để lại di chúc. Di sản của vợ chồng cụ G1, cụ T3 để lại gồm quyền sử dụng 5.185m^2 đất nông nghiệp (loại đất trồng lúa – 2L) tọa lạc tại xã A, huyện C, tỉnh An Giang. Ngoài ra, cụ G1, cụ T3 còn để lại một phần đất thổ cư và đất vườn tạp, trên có căn nhà phủ thờ và nhà của các anh em, con cháu của ông và một phần để làm nơi đặt mồ mả họ tộc.

Ngày 15/8/2014, ông Đoàn Văn Đ đề nghị các ông Đoàn Văn H2, ông Đoàn Thanh H1, ông (Đoàn Văn D) và ông Đoàn Văn C đến Phòng C3 tỉnh An Giang để ký hợp đồng ủy quyền cho ông Đ thế chấp quyền sử dụng đất của cha mẹ để lại để ông Đ vay tiền Ngân hàng làm vốn chăn nuôi phát triển nông nghiệp. Sau đó ông mới biết là ông Đ lừa dối các ông, để làm thủ tục thừa kế quyền sử dụng đất của cha mẹ. Hơn nữa, văn bản lập tại Phòng C3 tỉnh An Giang còn thiếu ý kiến của bà N, ý kiến của các thừa kế của ông T4 và ý kiến của các thừa kế của bà Đ2.

Nay ông yêu cầu Tòa án tuyên bố Văn bản phân chia di sản thừa kế lập ngày 15/8/2014 tại Phòng C3 tỉnh An Giang là vô hiệu do ông và các anh em bị ông Đoàn Văn Đ lừa dối, đề nghị hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02805 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh An Giang cấp cho ông Đoàn Văn Đ

ngày 08/9/2014, chia thừa kế quyền sử dụng đất nông nghiệp do cha mẹ ông để lại cho các anh chị em theo quy định của pháp luật.

Bị đơn là ông Đoàn Văn Đ trình bày:

Ông thừa nhận quan hệ gia đình và những người trong diện, hàng thừa kế như ông D đã trình bày. Tuy nhiên, ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông D, lý do:

Năm 1999, ông D đã thế chấp quyền sử dụng đất của cụ G1, cụ T3 (khi đó di cụ G1 đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) để vay Ngân hàng 5.000.000 đồng. Do ông D không trả được nợ, đến năm 2005 thì Thi hành án dân sự huyện C đã phát mãi quyền sử dụng đất để thu hồi nợ, nên ông đã phải trả nợ thay, đến năm 2014 thì ông đã trả dứt nợ Ngân hàng, tổng cộng khoảng 12.125.000 đồng. Sau đó các anh em trong gia đình ủy quyền cho ông đi giải chấp và thống nhất giao lại diện tích 5.185m^2 đất nông nghiệp cho ông đứng tên, thông qua Văn bản phân chia di sản thừa kế lập ngày 15/8/2014 tại Phòng C3 tỉnh An Giang. Vì thực tế ông là người bỏ tiền ra trả nợ thay ông D và có công chăm sóc phụng dưỡng cha mẹ già yếu cho đến khi cha mẹ qua đời. Ông đã canh tác diện tích đất này ổn định nhiều năm, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại thời điểm các anh em lập Văn bản phân chia di sản thừa kế thì không có mặt bà N và các thừa kế của ông T4, của bà Đ2. Nay ông đồng ý hoàn trả giá trị kỷ phần thừa kế cho bà N và các thừa kế của ông T4, của bà Đ2.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Ông Đoàn Văn H2: Ông xác nhận cha mẹ chết, có để lại phần đất ruộng nay ông D có tranh chấp chia thừa kế. Nhưng phần đất này các anh em, trong đó có ông D đã làm Văn bản thỏa thuận phân chia thừa kế ngày 15/8/2014 tại Phòng C3 tỉnh An Giang, để giao lại cho ông Đ canh tác. Vì ông Đ có công nuôi cha mẹ đến cuối đời. Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông D.

Ông Trần Văn P1 đại diện cho các thừa kế của bà Đ2: Việc tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất giữa ông D và ông Đ thì ông và các con không có ý kiến, không yêu cầu chia thừa kế, vì vợ chồng ông đã được cha mẹ cho một phần đất để cất nhà ở.

Bà Đoàn Thị N, ông Đoàn Thanh H1, ông Đoàn Văn C và anh Đoàn Văn Chí L (đại diện cho các thừa kế của ông T4): Nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông D.

Phòng C3 tỉnh An Giang có ý kiến: Việc công chứng Văn bản thỏa thuận phân chia thừa kế ngày 15/8/2014 đã được thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 120/2023/DS-ST ngày 06 tháng 10 năm 2023, Tòa án nhân dân tỉnh An Giang quyết định (tóm tắt):

1. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Văn D về: Yêu cầu chia thừa kế di sản do cụ Đoàn Văn G1 và cụ Nguyễn Thị T5 diện tích 5.185m^2, loại đất 2L, tọa lạc tại xã A, huyện C, tỉnh An Giang cho 04 người là ông Đoàn Văn T4, Đoàn Văn H5, Đoàn Văn D; bà Đoàn Thị N;

- Tuyên bố Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 15/8/2014 tại Phòng C3, tỉnh An Giang vô hiệu;

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 02805, ngày 08/9/2014 do UBND huyện C cấp cho ông Đoàn Văn Đ.

2. Ông Đoàn Văn Đ được tiếp tục quản lý, sử dụng 5.185m^2 đất 2L (đo đạc thực tế 5.571m^2) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 02805, ngày 08/9/2014 do UBND huyện C cấp cho ông theo Sơ đồ khu đất tranh chấp ngày 27/11/2017 của Văn phòng Đ3 Chi nhánh C4 (Sơ đồ ghi nhầm Giấy chứng nhận quyền sử dụng cấp trước đây số 01801/nB, ngày 19/6/1993 do cụ Đoàn Văn G1 đứng tên tại thửa 1815, 1814 và 1746, tờ bản đồ số 03).

Ông Đ có trách nhiệm đến Cơ quan hành chính nhà nước tại địa phương kê lại, đăng ký lại quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

3. Chấp nhận 01 phần yêu cầu phản tố của ông Đoàn Văn Đ và bà Phan Kim Y chia kỷ phần thừa kế và ông Đ, bà Y phải hoàn kỷ phần cho bà Đoàn Thị N số tiền 32.406.250 đồng (ba mươi hai triệu bốn trăm lẻ sáu nghìn hai trăm năm mươi đồng) và hoàn kỷ phần cho các đồng thừa kế của ông Đoàn Văn T4 gồm: bà Đoàn Thị N1; ông Đoàn Bé T, Đoàn Thanh H1, Đoàn Văn Chí L, Đoàn Thanh H3, Đoàn Hữu L2 (chết, người thừa kế thế vị của ông Đoàn Hữu L2 là em Nguyễn Thị Quế T2) và bà Đoàn Thị Ngọc G số tiền 32.406.250 đồng (ba mươi hai triệu bốn trăm lẻ sáu nghìn hai trăm năm mươi đồng) do ông Bé T đại diện nhận.

4. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Văn D đối với yêu cầu chia thừa kế diện tích đất 2.262,9m^2 (chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất); diện tích đất 2.741,5m^2 (đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đoàn Văn Đ) gắn liền căn nhà phủ thờ, đất vườn tạp; nhà ông Đoàn Thanh H6 (con ông D), Đoàn Văn C, Đoàn Văn Đ, Đoàn Minh H7 (con ông H2), Trần Văn P1, Lê Mỹ H8 (con bà N) và khu mồ mả tộc họ.

(Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về chi phí thẩm định, định giá, án phí và tuyên cho các đương sự quyền quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật)

Ngày 09/10/2023, ông Đoàn Văn D có đơn kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm quyết định không đúng quy định của pháp luật và không phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên bố Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 15/8/2014 là vô hiệu, hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh An Giang cấp

cho ông Đoàn Văn Đ ngày 08/9/2014 và phân chia di sản thừa kế cho 4 người gồm: Đoàn Văn D, Đoàn Thị N, Đoàn Thanh H1 và Đoàn Bé T.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Đoàn Văn D vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đồng thời không cung cấp được thêm bất cứ chứng cứ, tài liệu mới nào.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Về thủ tục tố tụng, các đương sự thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tòa án cấp sơ thẩm đã thu thập đầy đủ chứng cứ, giải quyết vụ án có căn cứ, đúng pháp luật, nên đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát, sau khi nghị án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Đoàn Văn D làm trong hạn luật định và phù hợp về hình thức, nên là cơ sở để Tòa án xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Nội dung đơn kháng cáo của ông D cho rằng Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế lập ngày 15/8/2014 là không có đầy đủ người thừa kế và vi phạm nguyên tắc giao kết hợp đồng, giao dịch. Cụ thể ông D cho rằng ông bị lừa dối khi ký văn bản ủy quyền cho ông Đ mang quyền sử dụng đất là di sản thừa kế của cha mẹ đi thế chấp vay vốn ngân hàng chứ không phải ký văn bản phân chia thừa kế, nên văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế này vô hiệu, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại công nhận hiệu lực pháp lý của văn bản này là không đúng. Do đó, ông đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông.

[3] Xét kháng cáo của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy:

[3.1] Những vấn đề các đương sự thống nhất với nhau gồm:

- Những người thừa kế thuộc hàng thứ nhất của vợ chồng cụ G1, cụ T3 gồm 8 người là: ông Đoàn Văn H2, ông Đoàn Văn T4 (chết năm 2011, có các thừa kế chuyển tiếp gồm 07 người con là bà Đoàn Thị N1, ông Đoàn Bé T, ông Đoàn Thanh H1, ông Đoàn Văn Chí L, ông Đoàn Thanh H3, bà Đoàn Thị Ngọc G và ông Đoàn Hữu L2), ông Đoàn Thanh H1, ông Đoàn Văn D, bà Đoàn Thị Đ2 (chết năm 2009, có các thừa kế chuyển tiếp gồm chồng của bà Đ2 là ông Trần Văn P1 và 05 người con là ông Trần Văn P2, ông Trần Văn L1, bà Trần Thị Bé T1, bà Trần Thị Bé N2, bà Trần Thị Kim N3), bà Đoàn Thị N, ông Đoàn Văn C và ông Đoàn Văn Đ;

- Di sản thừa kế của cụ G1, cụ T3 để lại và hiện có tranh chấp là quyền sử dụng 5.185m^2 đất nông nghiệp (2L), tọa lạc tại xã A, huyện C, tỉnh An Giang, ông Đ đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02805 ngày 08/9/2014.

[2.2] Xét Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế lập ngày 15/8/2014: Về hình thức, văn bản này được lập tại Phòng C3 tỉnh An Giang theo đúng trình tự thủ tục pháp luật quy định. Ông H2 là anh lớn trong số các anh em, đã có lời khai xác nhận sự việc này. Ngoài ông D thì ông H1, ông C cũng không có lời trình bày nào cho rằng bị ông Đ lừa dối hay bị nhầm lẫn khi ký văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế. Do đó, việc ông D cho rằng các anh em trong gia đình bị ông Đ lừa dối ký thỏa thuận này để vay tiền là không có cơ sở chấp nhận. Về nội dung, trong văn bản này, ông H2, ông D, ông H1, ông C và ông Đ thống nhất thỏa thuận xác định cụ Đoàn Văn G1, cụ Nguyễn Thị T3 (đều đã chết), có để lại quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 567208 (01801QSDĐ/nB) do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 19/6/1993, diện tích 5.185m^2 đất (2L) thuộc các thửa số 1815, 1814, 1746, tờ bản đồ số 3: "Do lúc còn sống ông Đoàn Văn G1 và bà Nguyễn Thị T3 không lập di chúc để định đoạt khối tài sản của ông, bà trong khối tài sản chung của vợ chồng là quyền sử dụng đất nêu trên. Nay chúng tôi là những người thừa kế thuộc hàng thứ nhất theo quy định pháp luật của ông Đoàn Văn G1 và bà Nguyễn Thị T3 cùng thống nhất lập văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế này với nội dung thỏa thuận như sau: Chúng tôi, Đoàn Văn H2, Đoàn Văn D, Đoàn Thanh H1 và Đoàn Văn C cùng tự nguyện giao kỷ phần thừa kế được hưởng của mình đối với di sản ông Đoàn Văn G1 và bà Nguyễn Thị T3 để lại cho ông Đoàn Văn Đ…được thừa hưởng, sử dụng và định đoạt". Như vậy, về ý chí cá nhân thì ông H2, ông H1, ông D và ông C đã thể hiện nguyện vọng tự nguyện nhường quyền hưởng di sản thừa kế của mình cho ông Đ. Do đó, mặc dù trong văn bản thỏa thuận còn thiếu ý kiến của bà N, ý kiến của các thừa kế của ông T4 và ý kiến của các thừa kế của bà Đ2, nhưng không làm ảnh hưởng đến ý chí tự nguyện mà ông H2, ông H1, ông D và ông C đã thể hiện. Ngoài ra, trong hồ sơ vụ án còn có tài liệu thể hiện bà N đã có Văn bản xác nhận từ chối nhận di sản, đồng thời nhường lại cho ông Đ, có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã H từ ngày 01/11/2017.

[2.3] Quá trình giải quyết vụ án ở Tòa án cấp sơ thẩm, ông Đ tự nguyện đồng ý thanh toán toán giá trị kỷ phần thừa kế cho bà N và cho các thừa kế của ông T4 là đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của những đương sự này và còn có lợi cho bà N. Riêng những người thừa kế của bà Đ2, do ông Trần Văn P1 đại diện đã không có ý kiến tranh chấp và không yêu cầu chia thừa kế. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào quá trình sử dụng đất ổn định, lâu dài của ông Đ (từ năm 1983), vào việc ông Đ đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, từ đó định giá quyền

sử dụng đất, sau đó chia cho bà N và chia cho các thừa kế của ông T4 được hưởng kỷ phần thừa kế bằng giá trị là có căn cứ, hợp lý hợp tình.

[3] Sau khi xét xử sơ thẩm, ông H2, ông H1, ông C, bà N và các thừa kế của ông T4 đều không có kháng cáo, chứng tỏ đã đồng tình hoặc chấp nhận quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm. Ông D có đơn kháng cáo, nhưng không cung cấp được chứng cứ, tài liệu nào khác để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của ông là có căn cứ. Ngoài ra, cũng cần phải nói thêm rằng, tại bản tự khai ngày 19/6/2017, ông D thừa nhận năm 1999, cụ G1 đã thế chấp quyền sử dụng diện tích đất (nay có tranh chấp) để vay của Ngân hàng V số tiền 5.000.000 đồng đưa cho ông D sử dụng; do việc làm lúa gạo bị thua lỗ nên ông D không có tiền trả nợ cho Ngân hàng. Lời tự trình bày của ông D phù hợp với chứng cứ do Tòa án cấp sơ thẩm đã thu thập hiện có trong hồ sơ vụ án, thể hiện cụ G1 là người ký hợp đồng tín dụng vay của V Chi nhánh C4, An Giang số tiền 5.000.000 đồng và sau đó đến năm 2014 thì ông Đ là người trả dứt nợ cho Ngân hàng. Như vậy, nếu ông Đ không đứng ra trả nợ cho Ngân hàng thì quyền sử dụng đất đã bị phát mãi để thu hồi nợ, nay sẽ không còn để ông D tranh chấp quyền thừa kế.

[4] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy kháng cáo của nguyên đơn ông Đoàn Văn D là không có cơ sở chấp nhận. Do kháng cáo không được chấp nhận nên lẻ ra ông D phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, nhưng vì ông D là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Đoàn Văn D.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 120/2023/DS-ST ngày 06 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

Căn cứ vào khoản 5 Điều 26; Điều 34; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 38; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 136, 138, 140; Điều 623, 649, 650 và Điều 651 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 và điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Văn D về:

- Chia thừa kế di sản do cụ Đoàn Văn G1 và cụ Nguyễn Thị T5 diện tích 5.185m^2, loại đất 2L, tọa lạc tại xã A, huyện C, tỉnh An Giang cho 04 người là ông Đoàn Văn T4, Đoàn Văn H5, Đoàn Văn D; bà Đoàn Thị N;

- Tuyên bố "Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế" lập ngày 15/8/2014 tại Phòng C3, tỉnh An Giang vô hiệu;

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 02805, ngày 08/9/2014 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Đoàn Văn Đ.

2. Ông Đoàn Văn Đ được tiếp tục quản lý, sử dụng 5.185m^2 đất 2L (đo đạc thực tế 5.571m^2) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 02805, ngày 08/9/2014 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông theo Sơ đồ khu đất tranh chấp ngày 27/11/2017 của Văn phòng Đ3 Chi nhánh C4 (Sơ đồ ghi nhầm Giấy chứng nhận quyền sử dụng cấp trước đây số 01801/nB, ngày 19/6/1993 do cụ Đoàn Văn G1 đứng tên tại thửa 1815, 1814 và 1746, tờ bản đồ số 03).

Ông Đ có trách nhiệm đến Cơ quan hành chính nhà nước tại địa phương kê lại, đăng ký lại quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

3. Chấp nhận 01 phần yêu cầu phản tố của ông Đoàn Văn Đ và bà Phan Kim Y chia kỷ phần thừa kế và ông Đ, bà Y phải hoàn kỷ phần cho bà Đoàn Thị N số tiền 32.406.250 đồng (ba mươi hai triệu bốn trăm lẻ sáu nghìn hai trăm năm mươi đồng) và hoàn kỷ phần cho các đồng thừa kế của ông Đoàn Văn T4 gồm: bà Đoàn Thị N1; ông Đoàn Bé T, Đoàn Thanh H1, Đoàn Văn Chí L, Đoàn Thanh H3, Đoàn Hữu L2 (chết, người thừa kế thế vị của ông Đoàn Hữu L2 là em Nguyễn Thị Quế T2) và bà Đoàn Thị Ngọc G số tiền 32.406.250 đồng (ba mươi hai triệu bốn trăm lẻ sáu nghìn hai trăm năm mươi đồng) do ông Bé T đại diện nhận.

4. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Văn D đối với yêu cầu chia thừa kế diện tích đất 2.262,9m^2 (chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất); diện tích đất 2.741,5m^2 (đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đoàn Văn Đ) gắn liền căn nhà phủ thờ, đất vườn tạp; nhà ông Đoàn Thanh H6 (con ông D), Đoàn Văn C, Đoàn Văn Đ, Đoàn Minh H7 (con ông H2), Trần Văn P1, Lê Mỹ H8 (con bà N) và khu mồ mả tộc họ.

(Kèm theo Sơ đồ khu đất tranh chấp ngày 27/11/2017 của Văn phòng Đ3 Chi nhánh C4).

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Đoàn Văn D được miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm.

6. Các phần nội dung khác của bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS tỉnh An Giang;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu VP; HSVA; NVK.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Anh Văn